TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 101/2019/HC-PT
Ngày 11 - 03 - 2019
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Đặng Văn Ý

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 506/2018/TLPT-HC ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Hoàng L (Có mặt).

Địa chỉ: khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Ủy ban nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện U, tỉnh Cà Mau: Ông Trần Thanh Th (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Đ: Bà Đỗ Cẩm L (Có mặt).

Địa chỉ: đường Tr, Khóm 7, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3.2. Phạm Hồng Nh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Hoàng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Trần Hoàng L trình bày:

Vào năm 1936, ông nội của ông là ông Trần Văn Kh tạo lập phần đất diện tích khoảng 5.000m^2, đến năm 1941 có giấy xác nhận của hương thân, hương hào và có đóng thuế còn biên nhận. Sau Cách mạng tháng 8/1945, ông nội của ông để lại phần đất này cho con cháu quản lý, sử dụng có diện tích đất mặt tiền 57m và hậu 104m. Phần đất còn lại chia cho bà Trần Thị T (em ruột ông Kh) với diện tích đất mặt tiền 33m và hậu 98m. Đến năm 1985 thì vợ chồng ông đến sinh sống, đào ao nuôi cá, trồng cây lâu năm trên phần đất có diện tích 5.928m^2. Năm 1987, chính quyền huyện U có xây dựng cầu kênh B có mời ông Tứ là cha ông và cô họ ông là Hà Thị M kiểm kê bồi thường để xây dựng cầu kênh B. Đến ngày 03/5/1990 thì chính quyền huyện U ra quyết định số 80 tạm giao đất cho Xí nghiệp thủy lợi và Phòng quản lý ruộng đất nhưng chỉ có Xí nghiệp Thủy lợi đến làm việc.

Năm 1997 cha ông có làm đơn yêu cầu giải quyết và được Ủy ban nhân dân thị trấn U xác nhận nguồn gốc đất của ông Trần Văn Kh và những người lão nông sinh sống tại U đều xác nhận nguồn gốc đất là của ông Kh. Ngoài ra còn có ông Nguyễn Duy Q - nguyên Bí thư Huyện ủy T (khi chưa tách huyện) ký xác nhận nguồn gốc đất là của ông Kh.

Ngày 26/4/2017, ông có làm đơn yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 5.928m^2 (dài 104m, rộng 57m).

Ngày 16/6/2017 Ủy ban nhân dân thị trấn U có tổ chức cuộc họp xác minh nguồn gốc đất của ông yêu cầu cấp giấy chứng nhận, kết quả những người lớn tuổi sinh sống ở đây đều xác nhận đây là đất của ông Kh. Hiện nay ông là người đang trực tiếp quản lý sử dụng khu đất này liên tục từ năm 1985 đến nay. Ngày 03/01/2018, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện U ban hành quyết định số 01/QĐ-UBND về việc giải quyết yêu cầu của ông, ông nhận thấy Quyết định số 01/QĐ-UBND chưa giải quyết yêu cầu cho ông một cách công bằng thỏa đáng.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết như sau:

- Hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện U về việc giải quyết đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Đ và bà Phạm Hồng Nh do Ủy ban nhân dân huyện U cấp với lý do đất này là của gia đình ông quản lý, sử dụng từ trước đến nay, không có cơ sở pháp lý để cấp cho bà Trần Thị Đ và bà Phạm Hồng Nh.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U trình bày tại công văn số 2149 ngày 25/6/2018 như sau:

Về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 5.928m^2, rộng 57m, dài 104m. Vị trí: Đông giáp đất nhà nước quản lý, Tây giáp Kênh xáng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nam giáp kênh B, Bắc giáp khu tập thể Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên cơ sở thẩm tra, xác minh: Trước năm 1945 giai đoạn này đã lâu không rõ. Năm 1979 khi thành lập huyện U, Nhà nước quy hoạch xây dựng trụ sở các cơ quan như: Ngân hàng, Bưu điện, Thủy lợi, Viện kiểm sát, Phòng Nông nghiệp, Phòng quản lý ruộng đất... trên các phần đất không có người dân canh tác sản xuất và làm nhà ở. Ngày 03/5/1990 Ủy ban nhân dân huyện U ban hành Quyết định số 80/QĐ-UB về việc tạm giao quyền sử dụng đất cho Xí nghiệp thủy lợi, Phòng quản lý ruộng đất quản lý với nội dung là Phòng quản lý mộng đất được giao diện tích 3.360m^2 (chiều rộng (tiền) 51,5m), chiều rộng hậu 44,5m, chiều dài 70m, Xí nghiệp thủy lợi diện tích 1.015m^2 (ngang 14,5m; dài 70m).

Ủy ban nhân dân huyện U đã chỉ đạo cho Phòng Tài nguyên và Môi trường làm việc trực tiếp với Cục Công nghệ thông tin Bộ Tài nguyên và Môi trường

chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thu thập tài liệu hồ sơ địa chính và các giấy tờ khác, giai đoạn sau năm 1927 đến năm 1954, đối với vị trí khu đất ông Trần Hoàng L đang yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kết quả tài liệu chỉ có hồ sơ địa chính được thành lập năm 1927 (bản đồ và mục kê) thể hiện vị trí khu đất tờ bản đồ số 01, lots (lót) 03, xã K, tỉnh A (Bạc Liêu cũ), diện tích 7.000m^2 là đất công sản Quốc gia đã chỉnh lý tên Trần Th. Hiện nay sau khi kiểm tra lại hồ sơ quản lý đất đai tại huyện tại tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299 năm 1995) thì không có phần đất nào do ông Trần Hoàng L đứng tên tại vị trí đất ông L yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ý kiến của Chủ tịch Ủy ban về yêu cầu khởi kiện của ông L: Vị trí đất của ông Trần Hoàng L yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất do Nhà nước quản lý từ năm 1990 đến nay theo Quyết định số 80/QĐ-UB ngày 03/5/1990 về việc tạm giao quyền sử dụng đất cho Xí nghiệp thủy lợi, Phòng Quản lý ruộng đất quản lý. Ngày 03/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận đơn yêu câu của ông Trần Hoàng L là đúng quy định của pháp luật, với lý do ông L không có các loại giấy tờ theo quy định Luật Đất đai năm 2013.

Bà Đỗ Cẩm L là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Đ - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: về nguồn gốc đất bà Đ chuyển nhượng từ ông Trần Văn H vào năm 1993 với tổng diện tích 1.440m^2. Sau thời gian khiếu nại về việc công nhận quyền sử dụng đất tại Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau, vào ngày 25/3/2015 có buổi làm việc với Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường nên Ủy ban nhân dân huyện U thống nhất giao cho bà Đ 300m^2 đất ở và đến ngày 22/02/2017 thì bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 839868 thửa đất số 187, tờ bản đồ số 29 với diện tích 300m^2 tọa lạc khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau nằm trong diện tích 1,440m^2 mà ông Trần Văn H đã chuyển nhượng cho bà Đ vào năm 1993. Ngoài ra trên phần đất bà Đ đã được kê khai đăng ký trên cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai tại thị trấn U và được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, có đo đạc thực tế cụ thể. Từ những căn cứ trên khẳng định yêu cầu của ông Trần Hoàng L là không có cơ sở pháp lý, không phù hợp với thực tế.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 07 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L về việc hủy Quyết định hành chính số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau về việc giải quyết đơn yêu cầu của ông Trần Hoàng L.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho bà Trần Thị Đ và bà Phạm Hồng Nh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, ông Trần Hoàng L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, hủy quyết định hành chính số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau và hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện U đối với bà Trần Thị Đ và bà Phạm Hồng Nh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập, xét thấy án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị hủy quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 đối với yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị bác và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị Đ và bà Phạm Hồng Nh mà UBND huyện U đã cấp cho họ vì cho rằng không hợp pháp, ông Trần Hoàng L đã trình bày rằng: Vào năm 1936, ông nội của ông là ông Trần Văn Kh tạo lập phần đất diện tích khoảng 5.000m^2, đến năm 1941 có giấy xác nhận của hương thân, hương hào và có đóng thuế còn biên nhận. Sau Cách mạng tháng 8/1945, ông nội của ông để lại phần đất này cho con cháu quản lý, sử dụng có diện tích đất mặt tiền 57m và hậu 104m. Phần đất còn lại chia cho bà Trần Thị T (em ruột ông Kh) với diện tích đất mặt tiền 33m và hậu 98m. Đến năm 1985 thì vợ chồng ông đến sinh sống, đào ao nuôi cá, trồng cây lâu năm trên phần đất có diện tích 5.928m^2. Năm 1987, chính

quyền huyện U có xây dựng cầu kênh B có mời ông Tứ là cha ông và cô họ ông là Hà Thị M kiểm kê bồi thường để xây dựng cầu kênh B. Năm 1997 cha ông có làm đơn yêu cầu giải quyết và được Ủy ban nhân dân thị trấn U xác nhận nguồn gốc đất của ông Trần Văn Kh và những người lão nông sinh sống tại U đều xác nhận nguồn gốc đất là của ông Kh. Ngoài ra còn có ông Nguyễn Duy Q - nguyên Bí thư Huyện ủy T (khi chưa tách huyện) ký xác nhận nguồn gốc đất là của ông Kh.

[1.1] Để chứng minh cho nội dung này, ông L đã cung cấp chứng cứ là Thông báo số 89/TB-HĐBT ngày 21/10/2009 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cầu B, kèm theo Phương án chi tiết về việc bồi thường đối với hộ ông Trần Văn Lâm.

[1.2] Đồng thời, ông yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị Đ và Phạm Hồng Nh vì cho rằng, UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai hộ này là không hợp pháp trên phần đất mà ông đang quản lý sử dụng. Phía bà Đ thì cho rằng, diện tích đất này là nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn H từ năm 1993, với tổng diện tích là 1.440m^2.

[2] Như vậy, ở trường hợp này để đảm bảo tính có căn cứ trong việc xem xét, giải quyết yêu cầu của đương sự cũng như cơ sở trong việc đánh giá tính đúng đắn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình giải quyết, thì việc thu thập đầy đủ, toàn diện các chứng cứ có liên quan là hết sức cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

[2.1] Cần phải xem xét, đánh giá tính hợp pháp và có căn cứ trong lời trình bày cũng như chứng cứ do phía người khởi kiện cung cấp, đó là: việc xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân Thị trấn U và một số cá nhân có thẩm quyền vào năm 1997; nội dung cuộc họp về việc xác minh nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân Thị trấn U vào ngày 16/6/2017; Tờ xác nhận của ông Nguyễn Duy Q – nguyên Bí thư huyện ủy huyện T (khi chưa tách huyện) về việc xác nhận nguồn gốc đất trên là của cụ Trần Văn Kh

[2.2] Cần phải xem xét và lý giải rằng, tại sao lại có việc Thông báo bồi thường và Phương án chi tiết cho việc bồi thường khi thu hồi đất thực hiện dự án cầu ngang Kênh B có liên quan đến phần diện tích đất do ông L đang quản lý sử dụng cho chính hộ ông Trần Văn Lâm.

[2.3] Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Đ và Phạm Hồng Nh thấy rằng: Cần phải xác minh làm rõ nguồn gốc và quá

trình sử dụng đất của những người này. Theo lời khai của bà Đ là nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn H từ năm 1993, vì vậy cần phải làm rõ nguồn gốc đất của ông H do đâu, quá trình sử dụng thế nào… Để từ đó mới có cơ sở đánh giá tính hợp pháp trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ và bà Nha, tránh làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Việc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người này nhưng chưa tiến hành đầy đủ các trình tự, thủ tục là chưa đảm bảo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, yêu cầu này không liên quan đến việc xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 về việc giải quyết yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Hoàng L là không phù hợp.

[3] Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, do phía người khởi kiện trình bày rằng: Những người đang trực tiếp quản lý và sử dụng đất trên gồm ông L, vợ và 02 người con của ông. Chính vì vậy, việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bà Đ và bà Nha cũng có liên quan và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Việc ông L chỉ xác định mình ông khởi kiện và không yêu cầu đưa vợ và các con tham gia tố tụng, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bỏ sót tư cách đương sự. Bởi vì, việc xác định tư cách tố tụng của đương sự là thẩm quyền của tòa án theo nguyên tắc đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tất cả các đương sự có liên quan đến vụ án, mà không phải vì ý chí của cá nhân một trong các bên đương sự. Thiếu sót này được xem là vi phạm tố tụng.

[4] Tóm lại: Quá trình giải quyết vụ án này, tòa án cấp sơ thẩm đã chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, cũng như đánh giá chứng cứ chưa toàn diện và khách quan, và có vi phạm thủ tục tố tụng. Những thiếu sót này đã ảnh hưởng đến việc giải quyết đúng đắn vụ án, từ đó làm ảnh hưởng đến việc đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử.

[6] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo luật định.

Hoàn trả cho ông Trần Hoàng L số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 00127 ngày 20/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười